

SỞ GD&ĐT CẦN THƠ

TTLT ĐH DIỆU HIỀN

Số 27 – Đường số 1 – KDC Metro

Ninh Kiều – TP.Cần Thơ

ĐT: 0949.355.366 – 0964.222.333

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA

TUẦN 02 THÁNG 03 - 2017

Môn: Sinh Học

Thời gian làm bài: 50 phút.

Họ, tên:.....Số báo danh:.....

Mã đề thi 213

NỘI DUNG ĐỀ

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 06 trang giấy)

Câu 1: Sau chiến tranh chống Mỹ, khu vực rừng ngập mặn Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh) bị tàn phá nghiêm trọng. Ngày nay, khu vườn ngập mặn Cần Giờ đã được khôi phục lại và được công nhận là Khu dự trữ Sinh quyển thế giới của Việt Nam. Đây là biểu hiện của hiện tượng:

- A. Diễn thế nguyên sinh.
- B. Diễn thế thứ sinh.
- C. Diễn thế khôi phục.
- D. Diễn thế nguyên sinh hoặc Diễn thế khôi phục.

Câu 2: Trong các ví dụ dưới đây, có bao nhiêu ví dụ minh họa cho kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể?

- (1) Đàn trâu rừng.
- (2) Cây thông trong rừng thông.
- (3) Chim hải âu làm tổ.
- (4) Các loài sâu sống trên tán lá cây.
- (5) Các loài sống trong phù sa vùng triều.

- A. 4.
- B. 2.
- C. 1.
- D. 3.

Câu 3: Cho các yếu tố; cấu trúc; sinh vật sau đây:

- (1). Lớp lá rụng nền rừng.
- (2). Cây phong lan bám trên thân cây gỗ
- (3). Đất.
- (4). Hơi ẩm.
- (5). Chim làm tổ trên cây
- (6). Gió.

Đối với quần thể cây thông đang sống trên rừng thông Đà Lạt, có bao nhiêu yếu tố kể trên là yếu tố vô sinh?

- A. 3.
- B. 5.
- C. 2.
- D. 4.

Câu 4: Sự xuất hiện của thực vật có hoa diễn ra vào:

- A. Đại thái cổ.
- B. Đại cổ sinh.
- C. Đại trung sinh.
- D. Đại tân sinh.

Câu 5: Điều nào sau đây **ĐÚNG** khi nói về ưu thế lai?

- A. Lai hai dòng thuần chủng với nhau sẽ luôn cho ra con lai có ưu thế lai cao.
- B. Lai các dòng thuần chủng khác xa nhau về khu vực địa lí luôn cho ưu thế lai cao.
- C. Chỉ có một số tổ hợp lai giữa các cặp bố mẹ nhất định mới có thể cho ưu thế lai.
- D. Người ta không sử dụng con lai có ưu thế lai cao làm giống vì con lai không đồng nhất về kiểu hình.

Câu 6: Ba yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào quá trình hình thành các đặc điểm thích nghi của quần thể sinh vật là:

- A. Đột biến, giao phối và chọn lọc tự nhiên.
- B. Đột biến, chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo.
- C. Chọn lọc, giao phối và phát tán.
- D. Đột biến, phát tán và chọn lọc ngẫu nhiên.

Câu 7: Đacuyn không đưa ra khái niệm nào sau đây?

- A. Đột biến.
- B. Chọn lọc tự nhiên.
- C. Phân li tính trạng.
- D. Biến dị cá thể.

Câu 8: Các cá thể trong quần thể luôn gắn bó chặt chẽ với nhau thông qua các mối quan hệ

- A. hỗ trợ hoặc đối kháng.
- B. hỗ trợ hoặc hợp tác.
- C. hỗ trợ hoặc cạnh tranh.
- D. hỗ trợ hoặc hội sinh.

Câu 9: Những tài nguyên nào sau đây sau một thời gian sử dụng sẽ bị cạn kiệt?

- (1) Than ở Quảng Ninh.
 - (2) Năng lượng thủy triều.
 - (3) Năng lượng mặt trời.
 - (4) Thiếc ở Cao Bằng.
 - (5) Động vật và thực vật.
 - (6) Đá vôi ở Hà Tiên.
- A. (1), (4), (6).
 - B. (2), (4), (5).
 - C. (1), (5), (6).
 - D. (3), (4), (5).

Câu 10: Dùng phép lai nào sau đây để xác định được một tính trạng nào đó do gen trong nhân hay gen nằm ngoài nhân qui định?

- A. Lai phân tích. B. Lai hữu tính. C. Lai thuận nghịch. D. Lai khác dòng.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG** khi nói về quá trình nhân đôi ADN?

A. Trong mỗi phân tử ADN được tạo thành thì một mạch là mới được tổng hợp, còn mạch kia là của ADN ban đầu.

B. Enzim ADN polimeraza có vai trò lấp bổ sung các nuclêôtit để tổng hợp mạch ADN mới theo chiều $3' \rightarrow 5'$.

C. Nhân đôi ADN diễn ra theo nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bán bảo tồn.

D. Mạch mới luôn luôn được kéo dài theo chiều $5' \rightarrow 3'$.

Câu 12: Bệnh hoặc hội chứng nào sau đây do đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể?

(1) Bệnh bạch tạng. (2) Bệnh tiểu đường. (3) Bệnh mù màu.

(4) Bệnh máu khó đông. (5) Bệnh ung thư máu. (6) Hội chứng Đào.

(7) Hội chứng Claiphentơ. (8) Hội chứng tiếng mèo kêu.

A. (5) và (8). B. (1) và (5). C. (3), (5), (6) và (7). D. (2), (4) và (5).

Câu 13: Khi nói về mối quan hệ vật kí sinh – vật chủ, phát biểu nào sau đây **ĐÚNG**?

A. Vật kí sinh thường không giết chết vật chủ.

B. Số lượng vật kí sinh thường ít hơn số lượng vật chủ.

C. Vật kí sinh thường lớn hơn vật chủ.

D. Chim ăn sâu diệt sâu hại là một ví dụ về mối quan hệ kí sinh – vật chủ.

Câu 14: Cho các phương pháp sau:

(1) Tự thụ phấn bắt buộc qua nhiều thế hệ.

(2) Dung hợp tế bào trần khác loài.

(3) Lai giữa các dòng thuần chủng có kiểu gen khác nhau để tạo ra F_1 .

(4) Nuôi cấy hạt phấn rồi tiến hành lưỡng bội hoá các dòng đơn bội.

Các phương pháp có thể sử dụng để tạo ra dòng thuần chủng ở thực vật là:

A. (1), (2). B. (1), (3). C. (2), (3). D. (1), (4).

Câu 15: Điều nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG** với học thuyết tiến hóa của Đacuyn?

A. Chọn lọc tự nhiên là quá trình đào thải các sinh vật có các biến dị không thích nghi và giữ lại các biến dị di truyền giúp sinh vật thích nghi.

B. Các loài sinh vật có nhiều đặc điểm giống nhau là do chúng được tiến hóa từ một tổ tiên chung.

C. Cơ chế tiến hóa dẫn đến hình thành loài là do chọn lọc tự nhiên.

D. Kết quả của chọn lọc tự nhiên là hình thành nên các loài sinh vật mang kiểu gen qui định kiểu hình thích nghi với điều kiện môi trường.

Câu 16: Sử dụng phương pháp nào sau đây có thể tạo ra giống mới mang đặc điểm của hai loài mà tạo giống bằng cách lai hữu tính thông thường không thể thực hiện được?

A. Nuôi cấy hạt phấn.

B. Gây đột biến nhân tạo.

C. Dung hợp tế bào trần.

D. Nhân bản vô tính.

Câu 17: Khi nói về mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật, phát biểu nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG**?

A. Chim sáo và trâu rừng; cá ép sống bám trên cá lớn là hai ví dụ về quan hệ hội sinh.

B. Trong quan hệ hỗ trợ, các loài hoặc đều có lợi hoặc ít nhất không bị hại.

C. Quan hệ hợp tác không phải là quan hệ chặt chẽ và không nhất thiết phải có đối với mỗi loài.

D. Trong quá trình tìm kiếm thức ăn, nơi ở, các loài trong quần xã gắn bó chặt chẽ với nhau bằng các mối quan hệ hỗ trợ hoặc đối kháng.

Câu 18: Cặp cơ quan nào dưới đây là cặp cơ quan tương tự?

A. Chi trước voi và chi trước chó.

B. Cánh bướm và cánh dơi.

C. Cánh chim và cánh dơi.

D. Tai dơi và tai mèo.

Câu 19: Điều nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG** khi nói về vai trò của các loại ARN trong quá trình dịch mã?

A. Sau khi tổng hợp xong prôtêin, mARN thường được các enzym phân hủy.

B. ARN thông tin được dùng làm khuôn cho quá trình dịch mã ở ribôxôm.

C. ARN vận chuyển có chức năng mang axit amin tới ribôxôm, bộ ba đối mã đặc hiệu trên tARN có thể nhận ra và bắt đôi bổ sung với codon tương ứng trên mARN.

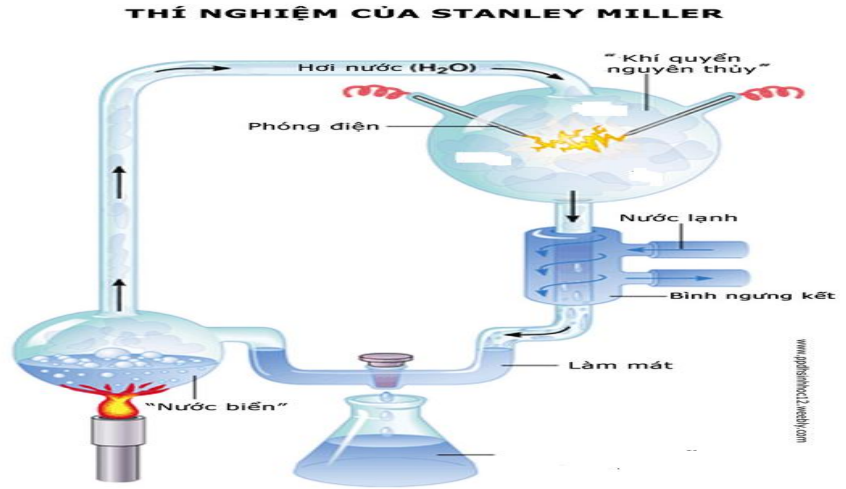
D. ARN ribôxôm kết hợp với mARN tạo nên ribôxôm, ribôxôm là nơi tổng hợp prôtêin.

Câu 20: Hiện tượng dòng gen (di nhập gen)

- A. đưa thêm gen vào quần thể, không đưa gen ra khỏi quần thể.
- B. không mang đến các loại alen có sẵn trong quần thể nên không làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen của quần thể.
- C. có thể mang đến những alen mới làm phong phú vốn gen của quần thể.
- D. chỉ xảy ra giữa các quần thể cách li hoàn toàn với nhau.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG** về thí nghiệm của Smilơ?

- A. Thí nghiệm thu được chất hữu cơ đơn giản như axitamin.
- B. Thí nghiệm đã sử dụng các chất CH_4 , NH_3 , H_2 , H_2O để tổng hợp chất hữu cơ đơn giản.
- C. Thí nghiệm chứng minh các chất hữu cơ có thể hình thành từ các chất vô cơ bằng con đường hóa học.
- D. Thí nghiệm diễn ra sau 7 ngày thu được chất hữu cơ phức tạp như protein hay axit nucleic.



Câu 22: Nhận định sau đây **KHÔNG ĐÚNG** theo quan điểm của học thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại?

- A. Các cơ chế cách li là nhân tố tiến hóa đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình tiến hóa hình thành loài, giúp bảo toàn đặc điểm riêng cho mỗi loài.
- B. Các quần thể cùng loài sống ở các điều kiện địa lí khác nhau, chọn lọc tự nhiên sẽ làm thay đổi tần số alen của các quần thể đó theo những hướng khác nhau.
- C. Sự sai khác về vốn gen giữa các quần thể cách li địa lí, đến một lúc nào đó có thể xuất hiện sự cách li sinh sản như cách li tập tính, cách li mùa vụ... làm xuất hiện loài mới.
- D. Khi một nhóm sinh vật tiên phong di cư tới đảo mới, điều kiện sống mới và sự cách li tương đối về mặt địa lí dễ dàng biến quần thể nhập cư thành một loài mới sau một thời gian tiến hóa.

Câu 23: Một quần thể có cấu trúc di truyền $0,6Aabb + 0,4aaBb = 1$. Quần thể ngẫu phối 1 thế hệ, tỉ lệ cá thể có kiểu gen aabb là:

- A. 0,16.
- B. 0,25.
- C. 0,24.
- D. 0,12.

Câu 24: Các ví dụ nào sau đây thuộc về cơ chế cách li sau hợp tử:

- (1) Hai loài rắn sọc sống trong cùng một khu vực địa lí, một loài chủ yếu sống dưới nước, loài kia sống trên cạn.
- (2) Một số loài kì giông sống trong một khu vực vẫn giao phối với nhau, tuy nhiên phần lớn con lai phát triển không hoàn chỉnh.
- (3) Ngựa lai với lừa đẻ ra con la bất thụ.
- (4) Trong cùng một khu phân bố địa lí, chồn đốm phương đông giao phối vào cuối đông, chồn đốm phương tây giao phối vào cuối hè.
- (5) Các phân tử prôtêin bề mặt của trứng và tinh trùng nhím biển tím và nhím biển đỏ không tương thích nên không thể kết hợp được với nhau.
- (6) Hai dòng lúa tích lũy các alen đột biến lặn ở một số locut khác nhau, hai dòng vẫn phát triển bình thường, hữu thụ nhưng con lai giữa hai dòng mang nhiều alen đột biến lặn nên có kích thước rất nhỏ và cho hạt lép.

Đáp án đúng là :

- A. (2), (4), (5).
- B. (1), (3), (6).
- C. (2), (3), (5).
- D. (2), (3), (6).

Câu 25: Trong quá trình giảm phân ở một cơ thể có kiểu gen $AabbX_E^D X_e^d$ đã xảy ra hoán vị gen giữa các alen E và e với tần số 10%. Cho biết không xảy ra đột biến, tính theo lí thuyết, tỉ lệ loại giao tử AbX_E^D được tạo ra từ cơ thể này là

- A. 45%.
- B. 11,25%.
- C. 22,5%.
- D. 2,5%.

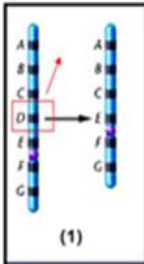
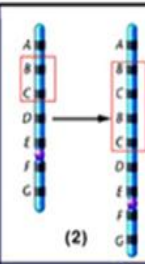
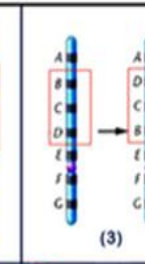
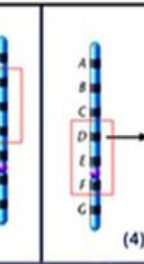
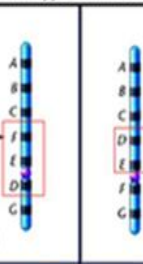
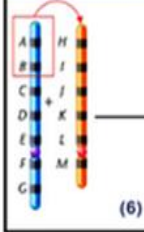
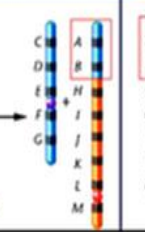
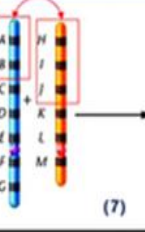
Câu 26: Để xác định được mức phản ứng của một kiểu gen ở một con vật nào đó, điều trước tiên là phải

- A. cho chúng sinh sản hữu tính qua nhiều thế hệ.
- B. nhân bản được kiểu gen này thành rất nhiều cá thể khác nhau.
- C. thực hiện giao phối cận huyết để tạo ra các cá thể có cùng kiểu gen.
- D. kiểm tra kiểu gen đó có thuần chủng hay không.

Câu 27: Một đầm nước nông nuôi cá có bốn nhóm sinh vật có quan hệ dinh dưỡng theo bậc dinh dưỡng; vi khuẩn lam và tảo (bậc cấp 1); động vật phù du (bậc cấp 2); tôm, cá nhỏ (bậc cấp 3), cá rô, cá lóc (bậc cấp 4). Do điều kiện môi trường thay đổi nên vi khuẩn lam và tảo bùng phát quá mức làm thay đổi các điều kiện sống của sinh vật trong đầm. Để tránh hệ sinh thái đầm thay đổi do hoạt động của vi khuẩn lam và tảo thì cách làm tốt nhất là

- A. làm giảm số lượng động vật phù du tôm, cá nhỏ.
- B. làm tăng số lượng cá rô, cá lóc.
- C. làm tăng số lượng tôm, cá nhỏ.
- D. làm vi khuẩn lam và tảo chết hàng loạt bằng hóa chất độc.

Câu 28: Cho hình vẽ và mô tả những biến đổi trong cấu trúc nhiễm sắc thể. Sắp xếp nào **ĐÚNG** theo mô tả?

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG CẤU TRÚC CỦA NHIỄM SẮC THỂ <small>www.ppdhsinhhoc12.weebly.com</small>	Mô tả
(1) 	a. Lặp đoạn
(2) 	b. Mất đoạn
(3) 	c. Đảo đoạn chứa tâm động
(4) 	d. Đảo đoạn không chứa tâm động
(5) 	e. Hoán vị gen
(6) 	f. Chuyển đoạn tương hỗ
(7) 	g. Chuyển đoạn không tương hỗ
(8) 	h. Chuyển đoạn trên một NST

- A. 1-b; 2-a; 3-d; 4-c; 5-h; 6-g; 7-f; 8-e.
- B. 1-b; 2-a; 3-d; 4-c; 5-h; 6-g; 7-e; 8-f.
- C. 1-b; 2-a; 3-d; 4-h; 5-c; 6-g; 7-f; 8e.
- D. 1-b; 2-d; 3-a; 4-c; 5-h; 6-g; 7-f; 8e.

Câu 29: Ở một loài động vật, cho con cái (XX) mắt đỏ thuần chủng lai với con đực (XY) mắt trắng thuần chủng được F₁ đồng loạt mắt đỏ. Cho con đực F₁ lai phân tích, đời F₂ thu được 50% con đực mắt trắng, 25% con cái mắt đỏ, 25% con cái mắt trắng. Nếu cho F₁ giao phối tự do thì ở F₂, loại cá thể đực mắt đỏ chiếm tỉ lệ là

- A. 18,75%.
- B. 6,25%.
- C. 25%.
- D. 37,5%.

Câu 30: Xét các kết luận sau:

- (1) Liên kết gen hoàn toàn làm hạn chế sự xuất hiện biến dị tổ hợp.
- (2) Các cặp gen càng nằm ở vị trí gần nhau thì tần số hoán vị gen càng cao.
- (3) Số lượng gen nhiều hơn số lượng NST nên liên kết gen là phổ biến.
- (4) Hai cặp gen nằm trên hai cặp NST khác nhau thì không liên kết với nhau.
- (5) Số nhóm gen liên kết bằng số NST đơn có trong tế bào sinh dưỡng.

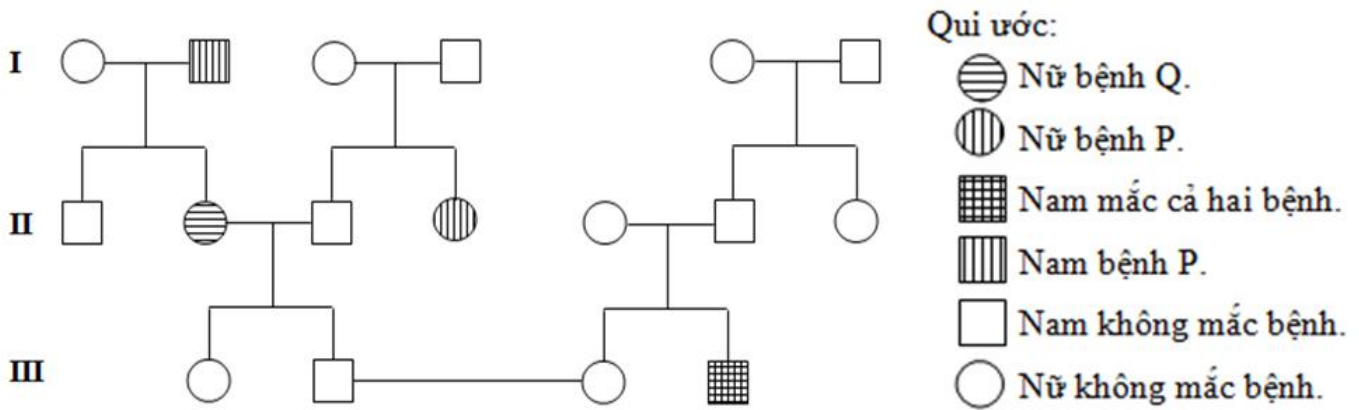
Có bao nhiêu kết luận **ĐÚNG** ?

- A. 4.
- B. 3.
- C. 2.
- D. 5.

Câu 31: Ở một loài thực vật, một gen qui định một tính trạng, các gen trội lặn hoàn toàn. Cho phép lai (P): AaBbDd x AaBbdd. Nhận định nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG** khi nói về F₁?

- A. Tỉ lệ cá thể mang kiểu gen dị hợp một cặp gen là 37,5%.
- B. Tỉ lệ kiểu hình mang 2 tính trạng trội và 1 tính trạng lặn là 46,875%.
- C. Có 18 loại kiểu gen và 6 loại kiểu hình.
- D. Tỉ lệ kiểu gen mang 3 alen trội và 3 alen lặn là 31,25%.

Câu 32: Phả hệ dưới đây mô phỏng sự di truyền của bệnh “P” và bệnh “Q” ở người. Hai bệnh này do hai alen lặn nằm trên hai cặp nhiễm sắc thể thường khác nhau gây ra.



Cho rằng không có đột biến mới phát sinh. Alen a gây bệnh P, alen b gây bệnh Q. Các alen trội tương ứng là A, B không gây bệnh (A, B trội hoàn toàn so với a và b). Nhận định nào sau đây **ĐÚNG**?

- A. Có 6 người trong phả hệ này xác định được chính xác kiểu gen.
- B. Có 3 người trong phả hệ này chắc chắn mang một cặp gen dị hợp tử.
- C. Xác suất để con của cặp vợ chồng ở thế hệ III mang alen gây bệnh là $\frac{38}{45}$.
- D. Xác suất để người vợ ở thế hệ III mang kiểu gen dị hợp cả hai cặp gen là $\frac{2}{9}$.

Câu 33: Biết rằng mỗi gen quy định một tính trạng, alen trội là trội hoàn toàn, hai cặp gen cùng nằm trên một cặp nhiễm sắc thể thường, liên kết gen hoàn toàn. Có bao nhiêu phép lai dưới đây cho đời con có tỉ lệ kiểu gen giống với tỉ lệ kiểu hình?

- (1) $\frac{AB}{ab} \times \frac{AB}{ab}$
 - (2) $\frac{AB}{ab} \times \frac{Ab}{aB}$
 - (3) $\frac{Ab}{aB} \times \frac{Ab}{aB}$
 - (4) $\frac{AB}{ab} \times \frac{AB}{Ab}$
 - (5) $\frac{AB}{ab} \times \frac{AB}{aB}$
 - (6) $\frac{AB}{ab} \times \frac{ab}{ab}$
- A. 5. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 34: Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng; alen D quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen d quy định quả dài. Cho cây thân cao, hoa đỏ, quả tròn (P) tự thụ phấn, thu được F₁ gồm: 750 cây thân cao, hoa đỏ, quả tròn; 249 cây thân thấp, hoa đỏ, quả tròn; 376 cây thân cao, hoa đỏ, quả dài; 124 cây thân thấp, hoa đỏ, quả dài; 376 cây thân cao, hoa trắng, quả tròn; 125 cây thân thấp, hoa trắng, quả tròn. Biết rằng không xảy ra đột biến, kiểu gen của (P) là

- A. Aa $\frac{BD}{bd}$
- B. $\frac{Ab}{aB}$ Dd.
- C. $\frac{AB}{ab}$ Dd.
- D. Aa $\frac{Bd}{bD}$

Câu 35: Ở một loài thực vật, khi đem lai giữa hai cây thuần chủng hoa đỏ, thân cao 120cm với cây hoa trắng, thân cao 100cm người ta thu được F₁ toàn cây hoa đỏ, thân cao 100cm. Cho F₁ giao phấn ngẫu nhiên với nhau, thu được F₂ phân li theo tỉ lệ: 6,25% hoa đỏ, thân cao 120cm; 25% hoa đỏ, thân cao 115cm; 31,25% hoa đỏ, thân cao 110cm; 12,5% hoa đỏ, thân cao 105cm; 6,25% hoa trắng, thân cao 110cm; 12,5% hoa trắng, thân cao 105cm; 6,25% hoa trắng, thân cao 100cm. Biết rằng mọi diễn biến trong quá trình phát sinh noãn và hạt phấn là như nhau, không có đột biến xảy ra và tính trạng màu sắc hoa do một cặp gen qui định. Theo lí thuyết, kết luận nào sau đây **KHÔNG ĐÚNG**?

- A. Cây có kiểu hình hoa đỏ, thân cao 115 cm ở F₂ có 3 loại kiểu gen khác nhau.
- B. Trong quá trình giảm phân của cây F₁ đã xảy ra hiện tượng liên kết gen hoàn toàn.
- C. Tính trạng chiều cao cây do các gen không alen tương tác theo kiểu cộng gộp qui định.
- D. Cho cây có kiểu hình hoa trắng, thân cao 105cm giao phấn ngẫu nhiên với nhau, ở thế hệ con thu được cây có kiểu hình hoa trắng, thân cao 100cm chiếm tỉ lệ 25%.

Câu 36: Trong một khu rừng ở Canada, cỏ cung cấp thức ăn cho thỏ, thỏ làm mồi cho mèo rừng. Đàn thỏ trung bình chỉ sử dụng 10% năng lượng của cỏ làm thức ăn, phần lớn còn lại được các nhóm động vật ăn cỏ khác chia sẻ. Ở đây có một gia đình mèo rừng gồm 9 con, bình quân mỗi con trong một ngày cần 2800 kcal năng lượng khai thác từ thỏ để sinh sống bình thường. Vậy trong một năm thì vùng hoạt động của gia đình mèo rừng phải rộng bao nhiêu ha mới có đủ thức ăn là thỏ? Biết rằng, thỏ ăn cỏ, mà năng suất cỏ (phần sử dụng được) là 3,5 tấn tươi/ha/năm và năng lượng chứa trong một tấn cỏ tươi tương ứng là 547,5 kcal.

- A. 131,5 ha. B. 50000 ha. C. 48000 ha. D. 167671,2 ha.

Câu 37: Kiểu gen của P như thế nào để đời sau thu được tỉ lệ kiểu hình theo tỉ lệ: 18:9:9:6:6:3:3:3:2:1:1? Biết rằng mỗi gen quy định một tính trạng

- A. AaBbCc x aabbcc. B. AaBbCc x AaBbcc. C. AaBbCc x AabbCc. D. AaBbCc x AaBbCc.

Câu 38: Cây lanh (*Linum usitatissimum*) là giống cây lấy sợi phổ biến ở các nước châu Á, locus chi phối màu sắc hoa có 2 alen trong đó A quy định hoa đỏ là trội hoàn toàn so với a quy định hoa trắng. Hai locus khác mỗi locus 2 alen là B/b và D/d cùng chi phối chiều cao cây. Tiến hành phép lai phân tích cây dị hợp 3 locus có kiểu hình thân cao, hoa đỏ được đời con 141 cây thân cao, hoa đỏ; 361 thân cao, hoa trắng; 640 thân thấp, hoa trắng; 861 thân thấp, hoa đỏ. Khi cho cây dị hợp 3 locus tự thụ thì ở F₁ tỉ lệ cây có kiểu gen đồng hợp lặn chiếm tỉ lệ:

- A. 0,49%. B. 0,049%. C. 0,28%. D. 0,7%.

Câu 39: Một loài thực vật thụ phấn tự do có gen A qui định hạt tròn là trội hoàn toàn so với gen a qui định hạt dài; gen B qui định hạt đỏ là trội hoàn toàn so với gen b qui định hạt trắng. Hai cặp gen A, a và B, b phân li độc lập. Khi thu hoạch ở một quần thể cân bằng di truyền, thu được 68,25% hạt tròn, đỏ; 22,75% hạt tròn, trắng; 6,75% hạt dài, đỏ; 2,25% hạt dài, trắng. Nếu vụ sau mang tất cả các hạt có kiểu hình tròn, trắng ra trồng thì tỉ lệ kiểu hình hạt dài, trắng mong đợi khi thu hoạch là

- A. 11,54%. B. 5,33%. C. 0,28%. D. 5,69%.

Câu 40: Ở một quần thể động vật sinh sản hữu tính, giới đực là dị giao tử (XY), giới cái là đồng giao tử (XX), có tần số alen A (nằm ở vùng không tương đồng trên NST X) tại thế hệ F₁ ở giới đực là 0,2 và ở giới cái là 0,45. Các cá thể của quần thể giao phối ngẫu nhiên với nhau qua các thế hệ. Tần số alen A của giới đực ở thế hệ P và tần số alen A của giới cái ở thế hệ F₂ lần lượt là

- A. 0,2 và 0,45. B. 0,325 và 0,45. C. 0,7 và 0,675. D. 0,7 và 0,325.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Đáp Án Mã đề: 213

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				